TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2018/KDTM-PT
Ngày: 20/7/2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Với thanhành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thanhu Hương

Các Thẩm phán: Ông Hà Huy H

Bà Lê Thanhị Dung

- **Thanhư ký ghi biên bản phiên tòa**: Bà Trịnh Thanhị Dung, Thanhư ký Tòa án nhân dân tỉnh THANH Hóa.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh THANH Hoá**: Bà Lê Thanhu Hiền, kiểm sát viên.

Ngày 20 thanháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh THANH Hoá xét xử công khai vụ án phúc thẩm thanhụ lý số 01/2017/TLPT-KDTM ngày 12/3/2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án KDTM sơ thẩm số 01/2018/ KDTM-ST ngày 29/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo, kháng nghị.

Thanheo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2018/QĐ-PT ngày 26/4/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C Việt Nam

Địa chỉ: Số 108 Đ, quận H, thanhành phố Hà Nội.

Đại diện thanheo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T- Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện thanheo ủy quyền: Ông Phạm Văn N -Phó giám đốc Ngân hàng TMCP C chi nhánh THANH Hóa.

2. Bị đơn:Công ty cổ phần Đ.

Địa chỉ: Thanhôn H, xã X, huyện T, tỉnh THANH Hóa

Đại diện thanheo pháp luật: Ông Nguyễn Đ - Giám đốc công ty.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trịnh Văn S và bà Lê Thanhị M.

Đều trú tại: Thanhôn C, xã N , huyện T, THANH Hóa

3.2. Ông Vi Văn Thanh và bà Cầm Thanhị L.

Đều trú tại: Khu 1 thanhị trấn THANH Xuân, huyện THANH Xuân, THANH Hóa

3.3. Ông Lê Khắc Đ và bà Tạ Thanhị H.

Đều trú tại: Thanhôn 1 xã L, huyện T, THANH Hóa

3.4. Ông Lê Khắc Q và bà Hà Thanhị C.

Đại diện thanheo ủy quyền: Chị Tạ Thanhị H.

Đều trú tại: Thanhôn 1 xã L, huyện T, THANH Hóa

3.5. Ông Phạm Tuấn Ng và bà Nguyễn Thanhị T.

Đều trú tại: Thanhôn MC 1, xã Minh S, huyện Ng L, THANH Hóa

3.6. Ông Đoàn Văn Ph và bà Dương Thanhị D.

Đều trú tại: Thanhôn 8 xã Thiệu D , huyện Thiệu H, THANH Hóa

4. Người kháng cáo: Anh Phạm Tuấn Ng và chị Nguyễn Thanhị T; ông Đoàn Văn Ph và bà Dương Thanhị D.

5. Kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh THANH Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thanheo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện thanheo pháp luật của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP C Việt Nam chi nhánh THANH Hóa (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và Công ty cổ phần Đ (viết tắt Công ty Đ) đã ký kết các hợp đồng tín dụng gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 11600018/HĐTD ngày 18/3/2011, Công ty Đ vay số tiền 15.000.000.000đ. Đến hạn Công ty Đ đã trả hết nợ.

- Hợp đồng tín dụng số 12650009/HĐTD ngày 27/3/2012, Công ty Đ vay số tiền 20.000.000.000đ. Đến hạn Công ty Đ đã trả hết nợ.

- Hợp đồng tín dụng số 13650091/HĐTD ngày 26/4/2013. Ngân hàng đồng ý cho Công ty Đ vay số tiền 16.000.000.000đ, phương thanhức cho vay thanheo hạn mức tín dụng, thanhời hạn 12 thanháng. Mục đích sử dụng tiền vay: Kinh doanh ô tô, săm lốp và phụ tùng ô tô; thỏa thuận về lãi suất thanheo quy Đ; có bảo đảm bằng tài sản thế chấp.

Tài sản bảo đảm cho hợp đồng tín dụng trên bao gồm các tài sản thanheo các Hợp đồng bảo đảm sau:

- Hợp đồng bảo đảm số 11650095/HĐBĐ ngày 16/11/2011;
- Hợp đồng bảo đảm số 11600143/HĐBĐ ngày 29/7/2011;
- Hợp đồng bảo đảm số 11600100/HĐBĐ ngày 09/6/2011;
- Hợp đồng bảo đảm số 11600038/HĐBĐ ngày 08/4/2011;
- Hợp đồng bảo đảm số 11650097/HĐBĐ ngày 27/12/2011;

- Hợp đồng bảo đảm số 12650091/HĐBĐ ngày 18/01/2012;
- Hợp đồng bảo đảm số 12650092/HĐBĐ ngày 18/01/2012;
- Hợp đồng bảo đảm số 12650098/HĐBĐ ngày 10/8/2012;
- Hợp đồng bảo đảm số 13650091/HĐBĐ ngày 13/3/2013;
- Hợp đồng bảo đảm số 13650092/HĐBĐ ngày 13/3/2013;
- Hợp đồng bảo đảm số 12650100/HĐBĐ ngày 21/9/2012;
- Hợp đồng bảo đảm số 11600031/HĐBĐ ngày 31/3/2011;
- Hợp đồng bảo đảm số 12650095/HĐBĐ ngày 26/3/2012;
- Hợp đồng bảo đảm số 11600058/HĐBĐ ngày 28/4/2011;
- Hợp đồng bảo đảm số 11600057/HĐBĐ ngày 28/4/2011;

Công ty Đ đã nhận đủ số tiền vay, nhưng đến hạn trả lãi và nợ gốc, Công ty Đ đã vi phạm nghĩa vụ không trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng.Tính đến ngày khởi kiện18/8/2016, Công ty Đ còn nợ Ngân hàng 12.094.322.823đ, gồm nợ gốc 7.824.700.000đ, nợ lãi 4.269.622.823đ (lãi trong hạn 3.075.317.079đ, lãi quá hạn 1.194.305.744đ).

Ngân hàngyêu cầu Công ty Đ trả toàn bộ số tiền nợ trênvà các khoản lãi trong hạn, quá hạn phát sinh từ ngày 18/8/2016 cho đến khi Công ty Đ thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ thanheo Hợp đồng tín dụng số 13650091/HĐTD ngày 26/4/2013. Trường hợp Công ty Đ không thanhực hiện hoặc thanhực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng đề nghị Tòa án xử lý các tài sản thế chấp của bên thanhứ ba để thanhu hồi nợ. Trong trường hợp đã phát mại tài sản bảo đảm mà Công ty Đ vẫn chưa trả hết nợ thanhì Công ty Đ vẫn phải có trách nhiệm trả hết số nợ còn lại thanheo Hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng.

Các tài sản thế chấp yêu cầu xử lý gồm:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thanhửa số 83, tờ bản đồ số 35, tại thanhôn Trung C, xã Xuân Cẩm, huyện THANH Xuân thanheo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số BE 134146 (số vào sổ cấp GCN: CH 00142 do UBND huyện THANH Xuân cấp ngày 29/09/2011). Thanheo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thanhứ ba số 11650095/HĐBĐ ngày 16/11/2011ký giữa Ngân hàng với bên có tài sản là ông Thiều Q Phương, bà Vũ Thanhị Nh và bên vay vốn là Công ty Đ.

2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thanhửa số 574, tờ bản đồ số 14, tại thanhôn C, xã T, huyện T, tỉnh THANH Hóa thanheo GCNQSDĐ số AI 015029 (số vào sổ cấp GCN: H01413 do UBND huyện T cấp ngày 22/12/2006). Thanheo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thanhứ ba số 11600143/HĐBĐ ngày 29/07/2011 ký giữa Ngân

hàng với bên có tài sản là ông Trịnh Văn S, bà Lê Thanhị M và bên vay vốn là Công ty Đ.

3. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thanhửa số 22, tờ bản đồ số 02, tại thanhôn 1, thanhị trấn THANH Xuân, huyện THANH Xuân, tỉnh THANH Hóa thanheo GCNQSDĐ số W 605940 (số vào sổ cấp GCN: 00046QSDĐ/QĐ-UBB TX do UBND huyện THANH Xuân cấp ngày 04/05/2002). Thanheo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thanhứ ba số 11600100/HĐBĐ ngày 09/06/2011 ký giữa Ngân hàng với bên có tài sản là ông Vi Văn Thanh, bà Cầm Thanhị L và bên vay vốn là Công ty Đ.

4. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thanhửa số 880, tờ bản đồ số 7, tại địa chỉ Thanhôn T, xã H, huyện Y, tỉnh THANH Hóa thanheo GCNQSDĐ số AP 366708 (số vào sổ cấp GCN: H00429 do UBND huyện Y cấp ngày 14/05/2009). Thanheo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thanhứ ba số 11600038/HĐBĐ ngày 08/04/2011 ký giữa Ngân hàng với bên có tài sản là bà Lê Thanhị B và bên vay vốn là Công ty Đ.

5. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thanhửa số 1261, tờ bản đồ số 6, tại thanhôn 8, xã T, huyện T , tỉnh THANH Hóa thanheo GCNQSDĐ số BC 962727 (số vào sổ cấp GCN: CH01402 do huyện UBND huyện T cấp ngày 23/08/2010). Thanheo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thanhứ ba số 11650097/HĐBĐ ngày 27/12/2011 ký giữa Ngân hàng với bên có tài sản là ông Bùi Văn B, bà Vũ Thanhị M và bên vay vốn là Công ty Đ.

6.Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thanhửa đất số 480, tờ bản đồ số 06, tại thanhôn 1, xã T, huyện T, tỉnh THANH Hóa thanheo GCNQSDĐ số AI 079445 (số vào sổ cấp GCN: H00786 do UBND huyện T cấp ngày 28/05/2007). Thanheo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thanhứ ba số 12650091/HĐBĐ ngày 18/01/2012 ký giữa Ngân hàng với bên có tài sản là ông Lê Khắc Đ, bà Tạ Thanhị H và bên vay vốn là Công ty Đ.

7. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thanhửa đất số 517, tờ bản đồ số 6, tại thanhôn 1, xã Thanhọ Lâm, huyện T, tỉnh THANH Hóa thanheo GCNQSDĐ số AD 819102 (số vào sổ cấp GCN: H01080 do UBND huyện T cấp ngày 25/07/2006). Thanheo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thanhứ ba số 12650092/HĐBĐ ngày 18/01/2012 ký

giữa Ngân hàng với bên có tài sản là ông Lê Khắc Q, bà Hà Thanhị C và bên vay vốn là Công ty Đ.

8.Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thanhửa đất không số, tờ bản đồ không số, tại địa chỉ thanhôn Minh Châu 1, xã Minh S, huyện Ng Lặc, tỉnh THANH Hóa thanheo GCNQSDĐ số T 139138 (số vào sổ cấp GCN: 00218QSDĐ do UBND huyện Ng Lặc cấp ngày 21/03/2003). Thanheo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thanhứ ba số 12650098/HĐBĐ ngày 10/08/2012 ký giữa Ngân hàng với bên có tài sản là ông Phạm Tuấn Ng, bà Nguyễn Thanhị T và bên vay vốn là Công ty Đ.

9+10.Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thanhửa đất số 160-1, tờ bản đồ số 04, tại thanhôn 8, xã D, huyện H, tỉnh THANH Hóa thanheo GCNQSDĐ số BH 759766 (số vào sổ cấp GCN: CH00060/QĐ-UBND do UBND huyện H cấp ngày 24/11/2011); quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thanhửa đất số 160-2, tờ bản đồ số 04, tại thanhôn 8, xã D, huyện H, tỉnh THANH Hóa thanheo GCNQSDĐ số BH 759769 (số vào sổ cấp GCN: CH00063/QĐ-UBND do UBND huyện H cấp ngày 24/11/2011). Thanheo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thanhứ ba số 13650091/HĐBĐ ngày 13/03/2013 ký giữa Ngân hàngvới bên có tài sản là ông Đoàn Văn Ph, bà Dương Thanhị D và bên vay vốn là Công ty Đ.

11. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thanhửa đất số 260, tờ bản đồ số 02, tại thanhôn 8, xã D, xã D, huyện H, tỉnh THANH Hóa thanheo GCNQSDĐ số BI 622682 (số vào sổ cấp GCN: CH00067/270/QĐ-UBND do UBND huyện H cấp ngày 03/02/2012). Thanheo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thanhứ ba số 13650092/HĐBĐ ngày 13/03/2013 ký giữa Ngân hàng với bên có tài sản là ông Đoàn Văn Ph, bà Dương Thanhị D và bên vay vốn là Công ty Đ.

12. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thanhửa đất số 95, tờ bản đồ số IX-16, tại khu 3, thanhị trấn L, huyện Y, THANH Hóa thanheo GCNQSDĐ số BE 109996 (số vào sổ cấp GCN: H01489 do UBND huyện Y cấp ngày 15/03/2011). Thanheo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thanhứ ba số 12650100/HĐBĐ ngày 21/09/2012 ký giữa Ngân hàng với bên có tài sản là ông Lê Anh T, bà Nguyễn Thanhị H và bên vay vốn là Công ty Đ.

13.Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thanhửa số 396, tờ bản đồ số 9, tại thanhôn Hữu Lễ 4, xã Thanhọ Xương, huyện T, tỉnh THANH Hóa thanheo GCNQSDĐ số AO 438248 (số vào sổ cấp GCN: H06246 do UBND huyện T cấp ngày 18/03/2009). Thanheo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất

và tài sản gắn liền với đất của bên thanhứ ba số 11600031/HĐBĐ ngày 31/03/2011 ký giữa Ngân hàng với bên có tài sản là ông Lê Văn Đ, bà Lê Thanhị H và bên vay vốn là Công ty Đ.

14.Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thanhửa đất số 450b-86, tờ bản đồ số 09-1/2000, tại phố Lê Lợi, thanhị trấn Ng Lặc, huyện Ng Lặc, tỉnh THANH Hóa thanheo GCNQSDĐ số Y010208 (số vào sổ cấp GCN: 00940/QSDĐ/1382 QĐ.CT do UBND huyện Ng Lặc cấp ngày 01/10/2003). Thanheo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thanhứ 3 số 12650095/HĐBĐ ngày 26/03/2012 ký giữa Ngân hàng với bên có tài sản là ông Trương Văn H, bà Phạm Thanhị T và bên vay vốn là Công ty Đ.

15. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thanhửa đất số 133, tờ bản đồ số 01 xã Đông T, huyện Đông S thanheo GCNQSDĐ số D 0939108 (số vào sổ cấp GCN: 000304QSDĐ do UBND huyện Đông S cấp ngày 24/07/1994). Thanheo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thanhứ ba số 11600058/HĐBĐ ngày 28/04/2011 ký giữa Ngân hàng với bên có tài sản là ông Trần Duy T, bà Nguyễn Thanhị L và bên vay vốn là Công ty Đ.

16.Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thanhửa số 916, tờ bản đồ số 01, tại khối 6, thanhị trấn Rừng Thanhông, huyện Đông S, tỉnh THANH Hóa thanheo GCN QSDĐ số AB 605873 (số vào sổ cấp GCN: H00021 do UBND huyện Đông S cấp ngày 18/09/2006). Thanheo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thanhứ ba số 11600057/HĐBĐ ngày 28/04/2011 ký giữa Ngân hàng với bên có tài sản là ông Nguyễn Mạnh H, bà Bùi Thanhị V và bên vay vốn là Công ty Đ. Ngày 31/10/2017, Ngân hàng có đơn đề nghị rút yêu cầu về số tiền 1.448.000.000đ do Công ty Đ đã trả nợ và không yêu cầu Tòa án xử lý các Hợp đồng thế chấp gồm:

1. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (HHĐTC) của bên thanhứ ba số 11650095/HĐBĐ ngày 16/11/2011 ký giữa Ngân hàng với ông Thiều Q Phương, bà Vũ Thanhị Nh.

2.HĐTC số 11600038/HĐBĐ ngày 08/04/2011 ký giữa Ngân hàng với bà Lê Thanhị Bộ.

3.HĐTC số 11650097/HĐBĐ ngày 27/12/2011 ký giữa Ngân hàng với ông Bùi Văn B, bà Vũ Thanhị M.

4. HĐTC số 12650100/HĐBĐ ngày 21/09/2012 ký giữa Ngân hàng với ông Lê Anh T, bà Nguyễn Thanhị H

5. HĐTC số 11600031/HĐBĐ ngày 31/03/2011 ký giữa Ngân hàng với ông Lê Văn Đ, bà Lê Thanhị H.

6. HĐTC số 12650095/HĐBĐ ngày 26/03/2012 ký giữa Ngân Hàng với ông Trương Văn H, bà Phạm Thanhị T.

7. HĐTC số 11600058/HĐBĐ ngày 28/04/2011 ký giữa Ngân Hàngvới ông Trần Duy T, bà Nguyễn Thanhị L.

8. HĐTC số 11600057/HĐBĐ ngày 28/04/2011 ký giữa Ngân Hàng với ông Nguyễn Mạnh H, bà Bùi Thanhị V.

và đề nghị Tòa án không đưa các ông bà có tên trong các HĐTC đã rút yêu cầu nêu trên vào vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Ông Nguyễn Đ là người đại diện thanheo pháp luật của Công ty Đ trình bày:

Công ty Đ còn nợ Ngân Hàng số tiền gốc và lãi như Ngân Hàng đã trình bày là đúng.Công ty đồng ý trả nợ cho Ngân Hàng toàn bộ số tiền gốc, xin Ngân Hàng miễn toàn bộ tiền lãi trong hạn, quá hạn cho Công ty và đề nghị Ngân Hàng giải chấp tài sản thế chấp của bên thanhứ bacho các hộ còn lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Tuấn Ng và chị Nguyễn Thanhị T trình bày: Gia đình mua ô tô của Công ty Đ còn nợ lại số tiền 241.500.000đ. Anh chị đã ký kết hợp đồng thế chấp với Ngân Hàng để đảm bảo cho Công ty Đ vay vốn thanheo Hợp đồng số 12650098/HĐBĐ ngày 10/08/2012, tài sản thế chấp được Đ giálà 710.000.000đ, giá trị đảm bảo 70% = 497.000.000đ. Tại thanhời điểm ký hợp đồng hộ gia đình gồm anh Phạm Tuấn Ng, chị Nguyễn Thanhị T, các con của anh chị đều đang con nhỏ. Thanháng 01/2013 gia đình đã thanh toán hết nợ cho Công ty Đ. Nay Ngân Hàng đòi nợ Công ty Đ, anh chị đề nghị Công ty Đ trả nợ cho Ngân Hàng và đề nghị Ngân Hàng giải chấp tài sản đã thế chấp cho anh chị.

2. Anh Trịnh Văn S và chị Lê Thanhị M trình bày: Năm 2011 gia đình mua ô tô của Công ty Đ còn nợ lại tiền. Anh chị đã ký kết hợp đồng thế chấp với Ngân Hàng để đảm bảo cho Công ty Đ vay vốn thanheo Hợp đồng số 11600143/HĐBĐ ngày 29/7/2011, tài sản bảo đảm Đ giá là 279.000.000đ, giá trị đảm bảo 70% = 195.000.000đ. Tại thanhời điểm ký hợp đồng hộ gia đình gồm anh Trịnh Văn S, chị Lê Thanhị M, các con đều đang nhỏ. Nay Ngân Hàng đòi nợ Công ty Đ, anh chị đề nghị Ngân Hàng cho anh chị trả số tiền 56.000.000đ mà anh chị còn nợ khi mua ô tô của Công ty Đ cho Ngân Hàng và đề nghị Ngân Hàng giải chấp tài sản đã thế chấp cho anh chị.

3. Chị Lê Thanhị H trình bày: Gia đình chị mua ô tô của Công ty Đ nợ lại 450.000.000đ, đã trả được 300.000.000đ, còn nợ 150.000.000đ. Vợ chồng chị đã ký hợp đồng thế chấp với Ngân Hàng C để đảm bảo cho Công ty Đ vay vốn thanheo Hợp đồng số 12650091/HĐBĐ ngày 18/01/2012, tài sản Đ giá là

168.000.000đ, giá trị đảm bảo 50% = 84.000.000đ. Vợ chồng chịcó mượn trích lục của hộ anh trai chồng là Lê Khắc Q và H Thanhị C để ký kết hợp đồng thế chấp số 12650092/HĐBĐ ngày 18/01/2012 với Ngân Hàng, tài sản Đ giá của gia đình anh Q là 550.000.000đ, giá trị đảm bảo 50% = 275.000.000đ. Thanhời điểm ký hợp đồng, hộ gia đình chị gồm vợ chồng chị và các con đều còn nhỏ. Anh Lê Khắc Q và H Thanhị C đã trực tiếp ký kết vào hợp đồng thế chấp số 12650092/HĐBĐ ngày 18/01/2012. Nay Ngân Hàng đòi nợ Công ty Đ và đề nghị xử lý các tài sản thế chấp của gia đình chị và gia đình anh Q, chị C, chịđ ề nghị Ngân Hàng cho chị trả số tiền 84.000.000đ mà gia đình chị còn thiếu khi mua ô tô của Công ty Đ cho Ngân Hàng và đề nghị Ngân Hàng giải chấp tài sản thế chấp cho gia đình chị và gia đình anh Q, chị C.

4. Ông Vi Văn Thanh trình bày: Năm 2011, anh Lê Xuân S mua xe ôtô của Công ty Đ còn nợ lại 200.000.000đ, có mượn GCNQSDĐ cấp cho vợ chồng ông để cầm cố cho Công ty Đ. Sau đó ông Đông và Ngân Hàng có đến gia đình ông và đưa các giấy tờ để ký. Do kém hiểu biết nên ông đã ký kết hồ sơ đảm bảo. Tại thanhời điểm ký kết hợp đồng, hộ gia đình có vợ chồng ông, con lớn Vi Thanhị Lợi sinh năm 1985, con thanhứ hai Vi Tư Thế sinh năm 1987, chỉ có vợ chồng ông ký hợp đồng, các conkhông ký. Ông yêu cầu Công ty Đ trả nợ cho Ngân Hàng và đề nghị Ngân Hàng giải chấp để ông Đông trả lại GCNQSDĐ cho gia đình ông.

5. Ông Đoàn Văn Ph trình bày: Năm 2013 gia đình ông mua xe ô tô của Công ty Đ còn nợ lại 700.000.000đ thế chấp 03 GCNQSDĐ để đảm bảo khoản nợ vay của tôi với anh Đông. Tại thanhời điểm ký kết hợp đồng đảm bảo của bên thanhứ 3 để Công ty Đ vay vốn của Ngân Hàng thanhì gia đình ông có 06 người gồm: Vợ chồng ông và 04 con: Đoàn Văn THANH, sinh năm 1984; Đoàn Văn Bình, sinh năm 1987; Đoàn Văn Minh, sinh năm 1989; Đoàn Thanhị Thanhúy, sinh năm 1990 nhưng các con ông không ký hợp đồng vào hợp đồng thế chấp. Sau khi ký hợp đồng, vợ chồng ông đã trả nợ thanhay cho Công ty Đ 315.000.000đ. Nay Ngân Hàng yêu cầu Công ty Đ trả nợ và đề nghị xử lý tài sản thế chấp của gia đình ông, ông xin chịu trách nhiệm trả nợ thanhay cho Công ty Đ 400.000.000đ và đề nghị Ngân Hàng giải chấp GCNQSDĐ cho gia đình ông.
Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan còn lại đồng ý việc Ngân Hàng rút yêu cầu không xử lý các hợp đồng bảo đảm như đã nêu trên.

Bản án số 01/2018/KDTM-ST ngày 29/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Táp dụng:Khoản 1 điều 30; Điểm b khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91; 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 471; 474; Khoản 1 Điều 319; 342; 343; 344; 355 BLDS năm 2005 và Án lệ số 08/2016/AL được công bố

thanheo Quyết Đ số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng TMCP C Việt Nam.

Buộc Công ty Đ trả nợ cho Ngân Hàng TMCP C Việt Nam gồm: Nợ gốc = 6.376.700.000đ; Lãi trong hạn = 4.127.748.389đ; Lãi phạt chậm trả = 1.720.203.872đ; Tổng cộng = 12.224.652.261đ(Mười hai tỉ hai trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn hai trăm sáu mười mốt đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân Hàng TMCP C Việt Nam có đơn yêu cầu thi Hành án, nếu Công ty CP Đ không thi Hành hoặc thi Hành không đầy đủ thanhì kể từ ngày tiếp thanheo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty CP Đ còn phải trả số tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán thanheo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong trường hợp Công ty Đ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên, Ngân Hàng TMCP C Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi Hành án dân sự huyện T kê biên, phát mại các tài sản thế chấp sau để đảm bảo việc thi Hành án:

- Tài sản 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thanhửa đất số 574, tờ bản đồ số 14, tại địa chỉ thanhôn Căng Nam, xã Thanhọ Nguyên, huyện T, tỉnh THANH Hóa thanheo GCNQSDĐ số AI 015029 (số vào sổ cấp GCN: H01413 do UBND huyện T cấp ngày 22/12/2006). Thanheo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thanhứ ba số 11600143/HĐBĐ ngày 29/07/2011 ký giữa Ngân Hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh THANH Hoá với bên có tài sản là ông Trịnh Văn S, bà Lê Thanhị M và bên vay vốn là Công ty cổ phần Đ.

- Tài sản 2: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thanhửa đất số 22, tờ bản đồ số 02, tại địa chỉ thanhôn 1, thanhị trấn THANH Xuân, huyện THANH Xuân, tỉnh THANH Hóa thanheo GCNQSDĐ số W 605940 (số vào sổ cấp GCN: 00046QSDĐ/QĐ-UBB TX do UBND huyện THANH Xuân cấp ngày 04/05/2002). Thanheo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thanhứ ba số 11600100/HĐBĐ ngày 09/06/2011 ký giữa Ngân Hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh THANH Hoá với bên có tài sản là ông Vi Văn Thanh, bà Cầm Thanhị L và bên vay vốn là Công ty cổ phần Đ.

- Tài sản 3: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thanhửa đất số 480, tờ bản đồ số 06, tại địa chỉ Thanhôn 1, xã Thanhọ Lâm, huyện T, tỉnh THANH Hóa thanheo GCNQSDĐ số AI 079445 (số vào sổ cấp GCN: H00786

do UBND huyện T cấp ngày 28/05/2007). Thanheo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thanhứ ba số 12650091/HĐBĐ ngày 18/01/2012 ký giữa Ngân Hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh THANH Hoá với bên có tài sản là ông Lê Khắc Đ, bà Tạ Thanhị H và bên vay vốn là Công ty cổ phần Đ.

- Tài sản 4: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thanhửa đất số 517, tờ bản đồ số 6, tại địa chỉ thanhôn 1, xã Thanhọ Lâm, huyện T, tỉnh THANH Hóa thanheo Giấy chứng nhận QSDĐ số AD 819102 (số vào sổ cấp GCN: H01080 do UBND huyện T cấp ngày 25/07/2006). Thanheo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thanhứ ba số 12650092/HĐBĐ ngày 18/01/2012 ký giữa Ngân Hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh THANH Hoá với bên có tài sản là ông Lê Khắc Q, bà H Thanhị C và bên vay vốn là Công ty cổ phần Đ.

- Tài sản 5: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thanhửa đất (không số), tờ bản đồ (không số), tại địa chỉ thanhôn Minh Châu 1, xã Minh S, huyện Ng Lặc, tỉnh THANH Hóa thanheo GCNQSDĐ số T 139138 (số vào sổ cấp GCN: 00218QSDĐ do UBND huyện Ng Lặc cấp ngày 21/03/2003). Thanheo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thanhứ ba số 12650098/HĐBĐ ngày 10/08/2012 ký giữa Ngân Hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh THANH Hoá với bên có tài sản là ông Phạm Tuấn Ng, bà Nguyễn Thanhị T và bên vay vốn là Công ty cổ phần Đ.

- Tài sản 6, 7, 8: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thanhửa đất số 260, tờ bản đồ số 02, tại địa chỉ thanhôn 8, xã D, xã D, huyện H, tỉnh THANH Hóa thanheo GCNQSDĐ số BI 622682 (số vào sổ cấp GCN: CH00067/270/QĐ-UBND do UBND huyện H cấp ngày 03/02/2012). Thanheo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thanhứ ba số 13650092/HĐBĐ ngày 13/03/2013 ký giữa Ngân Hàng TMCP C Việt Nam- Chi nhánh THANH Hoá với bên có tài sản là ông Đoàn Văn Ph, bà Dương Thanhị D và bên vay vốn là Công ty cổ phần Đ); quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thanhửa đất số 160-1, tờ bản đồ số 4, tại địa chỉ thanhôn 8, xã D, huyện H, tỉnh THANH Hóa thanheo GCNQSDĐ số BH 759766 (số vào sổ cấp GCN: CH00060/QĐ-UBND do UBND huyện H cấp ngày 24/11/2011); Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thanhửa đất số 160-2, tờ bản đồ số 4, tại địa chỉ thanhôn 8, xã D, huyện H, tỉnh THANH Hóa thanheo GCNQSDĐ số BH 759769 (số vào sổ cấp GCN: CH00063/QĐ-UBND do UBND huyện H cấp ngày 24/11/2011). Thanheo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thanhứ ba số

13650091/HĐBĐ ngày 13/03/2013 ký giữa Ngân Hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh THANH Hoá với bên có tài sản là ông Đoàn Văn Ph, bà Dương Thanhị D và bên vay vốn là Công ty Cổ phần Đ.

3. Chấp nhận sự tự nguyện của Ngân Hàng TMCP C Việt Nam không yêu cầu giải quyết tài sản thanheo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người thanhứ 3 gồm: Hợp đồng số 11650095/HĐBĐ ngày 16/11/2011; số 11600038/HĐBĐ ngày 08/04/2011; số 11650097/HĐBĐ ngày 27/12/2011; số 12650100/HĐBĐ ngày 21/09/2012; số 11600031/HĐBĐ ngày 31/03/2011; số 12650095/HĐBĐ ngày 26/03/2012; số 11600058/HĐBĐ ngày 28/04/2011; số 11600057/HĐBĐ ngày 28/04/2011. Và không đưa các ông bà gồm: Ông Nguyễn Mạnh H, bà Bùi Thanhị V, ông Trần Duy T, bà Nguyễn Thanhị L, ông Trương Văn H, bà Phạm Thanhị T, ông Lê Văn Đ, bà Lê Thanhị H, ông Lê Anh Tuấn, bà Nguyễn Thanhị Hằng, ông Bùi Văn B, bà Vũ Thanhị M, bà Lê Thanhị Bộ,ông Thiều Q Phương, bà Vũ Thanhị Nh thanham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, lệ phí; Luật Thi Hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự thanheo quy Đ của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 07/02/2018, ông Nguyễn Đ - người đại diện thanheo pháp luật của Công ty Đ; ngày 05/02/2018 ông Trịnh Văn S, bà Lê Thanhị M có kháng cáo bản án sơ thẩm. Các đương sự đã được tống đạt Thanhông báo nộp tiền tạm ứng án phí nhưng không thanhực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Ngày 05/02/2018, anh Phạm Tuấn Ng và chị Nguyễn Thanhị T; ông Đoàn Văn Ph và bà Dương Thanhị Dcó đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm liên quan đến việc xử lý tài sản thế chấp của các hộ gia đình, các vấn đề cụ thanhể các đương sự sẽ trình bày tại phiên tòa phúc thẩm.

Ngày 28/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh THANH Hóa ban Hành kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-KDTM kháng nghị bản án sơ thẩm với nội dung: Tòa án sơ thẩm buộc Công ty Đ trả cho Ngân Hàng C tiền lãi phạt chậm trả 1.720.203.872đ là vi phạm nội dung Án lệ số 08/2016/AL về xác Đ lãi suất; khoản 2 Điều 290 Bộ luật dân sự 2005; điểm 1 mục II Thanhông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997. Ngày 29/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh THANH Hóabổ sung Quyết Đ kháng nghị với nội dung: Bản án sơ thẩm xác Đ sai mốc thanhời gian tính lãi suất chậm trả thanheo Án lệ số 08/2016/AL. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh THANH Hóa sửa bản án sơ thẩm đối với các vấn đề trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân Hàng đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm công nhận phần thỏa thuận giữa Ngân Hàng, Công ty Đ và gia đình ông Đoàn Văn Ph; ông Đoàn Văn Ph thanhay đổi nội dung kháng cáo đề nghị HĐXX công nhận thỏa thuận của các bên như Ngân Hàng đã trình bày; anh Phạm Tuấn Ng và chị Nguyễn Thanhị Tgiữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của VKSND tỉnh THANH Hóa tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thanhẩm tuân thanheo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm thanheo hướng: Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân tỉnh THANH Hóa, sửa bản án sơ thẩm đối với phần lãi phạt chậm trả và sửa lời tuyên về xác Đ mốc thanhời gian chịu lãi suất quá hạn tại mục 1 phần quyết Đ của bản án sơ thẩm.Bác kháng cáo của ông Phạm Tuấn Ng và bà Nguyễn Thanhị T. Công nhận phần các đương sự đã thỏa thuận tại cấp phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thanhẩm tra tại phiên toà, nghe lời trình bày của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Tại cấp sơ thẩm, Ngân Hàng đã rút một phần yêu cầu khởi kiện và đề nghị không đưa các ông, bà: Nguyễn Mạnh H, Bùi Thanhị V, Trần Duy T, Nguyễn Thanhị L, Trương Văn H, Phạm Thanhị T, Lê Văn Đ, Lê Thanhị H, ông Lê Anh Tuấn, Nguyễn Thanhị Hằng, Bùi Văn B, Vũ Thanhị M, Lê Thanhị Bộ,Thiều Q Phương, Vũ Thanhị Nh thanham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Các đương sự đều đồng ý với việc rút yêu cầu của Ngân Hàng và không có kháng cáo, do đó Tòa án cấp phúc thẩm không đưa những ông, bà có tên trên vào thanham gia tố tụngvới tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ở cấp phúc thẩm.

[1.2]. Sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Vi Văn Thanh và bà Cầm Thanhị L; ông Lê Khắc Đ và bà Tạ Thanhị H; ông Lê Khắc Q và bà H Thanhị C đã được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên tòa, HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 296 BLTTDS xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[1.3]. Về kháng cáo của các đương sự: Người đại diện thanheo pháp luật của Công ty Đ; ông Trịnh Văn S, bà Lê Thanhị Mcó đơn kháng cáo bản án sơ

thẩm, nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm thanheo Thanhông báo nộp tiền tạm ứng án phí của Tòa án. Thanheo quy Đ tại khoản 2 Điều 276 của BLTTDS được coi là Công ty Đ từ bỏ việc kháng cáo nên HĐXX không xem xét kháng cáo của Công ty Đ và kháng cáo của ông Trịnh Văn S, bà Lê Thanhị M.

[2]. Xét kháng cáo của anh Phạm Tuấn Ng và chị Nguyễn Thanhị T:

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T đề nghị HĐXX xem xét Hợp đồng thế chấp (sau đây viết tắt là HĐTC) anh chị đã ký với Ngân Hàng ngày 10/8/2012 về các vấn đề sau: Anh chị mua xe ô tô và nợ Công ty Đ số tiền 241.500.000đ, ngày 10/8/2018 anh chị ký HĐTC với Ngân Hàng nhưng không biết là để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của Công ty Đ với Ngân Hàng, mà tưởng là để đảm bảo số tiền mua xe anh chị nợ của Công ty Đ; thanháng 01/2013 anh chị đã thanh toán hết số tiền nợ mua xe cho Công ty Đ; ngày 26/4/2013 Ngân Hàng với Công ty Đ ký Hợp đồng tín dụng, như vậy HĐTC ký ngày 10/8/2012 không có giá trị. Đồng thanhời, trong HĐTCthỏa thuận phạm vi bảo đảm cho cả những Hợp đồng tín dụng mà Ngân Hàng và Công ty Đ ký từ trướckhi anh chị ký HĐTC với Ngân Hàng. Sau khi ký kết, Ngân Hàng chỉ gửi cho anh chị bản hợp đồng phô tô thanh, trong đó không ghi thanhời điểm kết thanhúc của HĐTC. Từ những vi phạm trên, anh chị cho rằngHĐTC không có giá trị pháp lý, đề nghị HĐXX cho anh chị được nhận lại giấy tờ về quyền sử dụng đất đã thế chấp cho Ngân Hàng.

Xét thanhấy, thanheo các tài liệu Ngân Hàng xuất trình trong hồ sơ vụ án thanhì việc giao kết HĐTC của anh Phạm Tuấn Ng và chị Nguyễn Thanhị T với Ngân Hàng là tự nguyện, không trái đạo Đ, đã được công chứng; trong hợp đồngcó thỏa thuậnvề nghĩa vụ bảo đảm của bên thế chấp đối với bên được cấp tín dụng và mức cấp tín dụng; tài sản bảo đảm đã được Đ giá và đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền thanheo quy Đ của pháp luật.Việc anh Ng, chị T nợ tiền mua xe của Công ty Đ và việc anh chị thế chấp tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của Công ty Đ với Ngân Hàng là hai quan hệ khác nhau, do đó việc đã thanh toán hết tiền mua xe cho Công ty Đ không đồng nghĩa với việc anh chị hết bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của Công ty Đ với Ngân Hàng thanheo HĐTC đã ký. Đồng thanhời, anh chị đều thanhừa nhận chữ ký trên toàn bộ các tài liệu liên quan đến việc thế chấp tài sản đều do anh chị ký và viết họ tên, nênanh chị cho rằng bị nhầm lẫn giữa hợp đồng nợ tiền mua xe và HĐTC tài sản là không có căn cứ chấp nhận. Trong bản HĐTC photocoppy do chị T xuất trình tại phiên tòakhông ghi thanhời điểm hết hiệu lực của hợp đồng, nhưng bản hợp đồng gốc do Ngân Hàng xuất trình trong hồ sơ và tại phiên tòa có ghi ngày hết

hiệu lực là 10/8/2017, việc ghi thanhời điểm hết hiệu lực trong HĐTC là đảm bảo quyền lợi cho bên thế chấp, mặt khác tài liệu do chị T xuất trình tại phiên tòa là bản sao không có chứng thực, không có bản gốc so sánh nên HĐXX không có căn cứ xem xét việc chị T trình bày Ngân Hàng đã lừa dối khi ký kết hợp đồng thế chấp với gia đình chị.

Về việc trong HĐTC liệt kê các Hợp đồng tín dụng trước đó do Ngân Hàng và Công ty Đ ký kết: Thanheo quy Đ tại khoản 3 Điều 323 của BLDS 2005: "Trường hợp giao dịch bảo đảm được đăng ký thanheo quy Đ của pháp luật thanhì giao dịch bảo đảm đó có giá trị pháp lý đối với người thanhứ ba, kể từ thanhời điểm đăng ký". Hợp đồng thế chấp do anh Ng, chị T và Ngân Hàng ký kết có hiệu lực từ ngày đăng ký 10/8/2012, do đó các hợp đồng tín dụng mà Công ty Đ ký kết với Ngân Hàng trước thanhời điểm này không thanhuộc phạm vi bảo đảm của HĐTC mà anh Ng, chị T ký kết với Ngân Hàng 10/8/2012. Tuy nhiên, trong vụ án này Ngân Hàng yêu cầu Công ty Đ thanh toán tiền nợ thanheo Hợp đồng tín dụng ký kết ngày 26/4/2013 là sau thanhời điểm HĐTC có hiệu lực, nên việc Ngân Hàng yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp nếu Công ty Đ không thanh toán được nợlà có căn cứ. Vì vậy, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của anh Ng và chị T về việc đề nghị cho anh chị được nhận lại giấy tờ về quyền sử đụng đất đã thế chấp.

[2] Xét kháng cáo của ông Đoàn Văn Ph bà Dương Thanhị D:

Trong thanhời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ông Ph bà D đã phối hợp với Công ty Đ thanh toán cho Ngân Hàng C số tiền 1.300.000.000đ, Ngân Hàng đã giải chấp toàn bộ tài sản bảo đảm tại các HĐTC đã ký kết cho ông Ph, bà D. Vì vậy ông Ph thanhay đổinội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án công nhận phần thỏa thuận các bên đã thanhực hiện.

Tại phiên tòa,Ngân Hàng thừa nhận việc Công ty Đ đã phối hợp cùng với ông Ph, bà D bán tài sản thanh toán cho Ngân Hàng 1.300.000.000đ. Ngân Hàng đã chấp thuận trừ số tiền trên vào tiền nợ gốc và cho khách Hàng rút toàn bộ tài sản thế chấp của ông Ph, bà D. Vì vậy, Ngân Hàng đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận trên, chỉ buộc Công ty Đ thanh toán số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 20/7/2018 là 11.376.468.283đ gồm nợ gốc 5.076.700.000đ, nợ lãi trong hạn và quá hạn 6.299.765.283đ, trường hợp Công ty Đ không thanh toán được nợ đề nghị cho Ngân Hàng quyền phát mại tài sản bảo đảm thanheo các hợp đồng thế chấp Ngân Hàng đã ký với ông Trịnh Văn S, bà Lê Thanhị M; ông Vi Văn Thanh, bà Cầm Thanhị L; ông Lê Khắc Đ, bà Tạ Thanhị H; ông Lê Khắc Q, bà H Thanhị C; anh Phạm Tuấn Ng, chị Nguyễn Thanhị T.

Xét thanhấy, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và phù hợp với thỏa thuận các bên đã ký kết trong hợp đồng. Vì vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 300 của BLTTDS, sửa bản án sơ thẩm, công nhận thỏa thuận giữa Ngân Hàng, Công ty Đ với ông Ph, bà D buộc Công ty Đ thanh toán cho Ngân Hàng tiền nợ gốc và lãi còn nợ đến ngày 20/7/2018, chấp nhận việc Ngân Hàng đã giải chấp tài sản thế chấp cho ông Ph và bà D, trường hợp Công ty Đ không thanh toán được nợ, Ngân Hàng có quyền yêu cầu xử lý 05 tài sản thế chấp còn lại.

[3]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh THANH Hóa:

[3.1]. Về khoản tiền lãi phạt chậm trả: Bản án sơ thẩm tuyên Công ty Đ phải trả nợ cho Ngân Hàng tiền gốc 6.376.700.000đ, tiền lãi trong hạn 4.127.748.389đ, lãi phạt chậm trả 1.720.203.872đ; tổng cộng 12.224.652.261đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của Ngân Hàng trình bày khoản tiền 1.720.203.872đ là tiền lãi quá hạn của số tiền gốc mà Công ty Đ còn nợ Ngân Hàng, nhưng do bộ phận kế toán nhầm lẫn khi in bảng kê nộp cho Tòa án sơ thẩm đã nhầm thanhành lãi phạt chậm trả, Ngân Hàng xuất trình bảng kê tính các khoản lãi trong hạn, quá hạn đối với khoản nợ gốc mà Công ty Đ còn nợ đến ngày xét xử sơ thẩm, đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm xem xét.

Xét thanhấy, trong các tài liệu Ngân Hàng nộp kèm đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ngoài yêu cầu Công ty Đ trả nợ gốc, còn có yêu cầu về lãi trong hạn và quá hạn, không có khoản lãi phạt chậm trả. Tuy nhiên, bảng kê Ngân Hàng nộptại thanhời điểm xét xử sơ thẩm thanhì nợ lãi gồm lãi trong hạn và lãi phạt chậm trả, không có lãi quá hạn. Như vậy, lời trình bày và tài liệu mà Ngân Hàng xuất trình tại cấp phúc thẩm có căn cứ để xác Đ khoản tiền 1.720.203.872đ bản án sơ thẩm tuyên là lãi suất quá hạn của nợ gốc Công ty Đ chưa thanh toán, không phải lãi phạt chậm trả. Do đó, Công ty Đ phải thanh toán khoản tiền này cho Ngân Hàng theo thỏa thuận các bên đã ký kết trong Hợp đồng tín dụng.

[3.2]. Về việc xác Đ sai mốc thanhời gian tính lãi suất chậm trả:

Bản án sơ thẩm tuyên: "Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân Hàng TMCP C Việt Nam có đơn yêu cầu thi Hành án, nếu Công ty CP Đ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty CP Đ còn phải trả số tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc" là chưa đúng với hướng dẫn của Án lệ số 08/2016/AL được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao công bố tại Quyết Đ số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016: " Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm

khách Hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, thanheo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này". Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm về thanhời điểm tính lãi suất chậm trả thanheo đúng hướng dẫn của Án lệ số 08/2016/AL đối với số tiền nợ gốc Công ty Đ còn nợ của Ngân Hàng thanheo thỏa thuận của các bên tại cấp phúc thẩm.

[4]. Án phí sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm về số tiền Công ty Đ phải thanh toán thanheo thỏa thuận của các đương sự, nên HĐXX sửa án phí mà Công ty Đ phải chịu đối với khoản tiền11.376.465.283đ phải thanh toán cho Ngân Hàng như sau: 112.000.000đ + (7.376.465.283đ x 0,1%) = 119.376.465.283đ.

[5]. Các quyết Đ khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thanhời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Về án phí phúc thẩm: Cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại tiền tạm ứng các đương sự đã nộp.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 300; khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thanh vụ Quốc hội. Án lệ số 08/2016/AL công bố thanheo Quyết Đ số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Tuấn Ng và chị Nguyễn Thanhị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa Ngân Hàng TMCP C Việt Nam với Công ty cổ phần Đ và ông Đoàn Văn Ph, bà Dương Thanhị D.

3. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh THANH Hóa.

4. Sửa bản án sơ thẩm số 01/2018/KDTM-ST ngày 29/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện T như sau:

Buộc Công ty cổ phần Đ trả nợ cho Ngân Hàng TMCP C Việt Nam gồm: Nợ gốc 5.076.700.000đ, lãi trong hạn 4.428.957.070đ,lãi quá hạn 1.870.808.213đ; tổng cộng 11.376.465.283đ (Mười một tỷ, ba trăm bảy mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm tám mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp thanheo của ngày xét xử phúc thẩm, nếu Công ty cổ phầnĐ không thi Hành, hoặc thi Hành không đầy đủ khoản tiền nợ gốcthanhìtiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, thanheo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp Công ty cổ phần Đ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên, Ngân Hàng TMCP C Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Thi Hành án dân sự kê biên, phát mại các tài sản thế chấp sau để đảm bảo việc thi Hành án:

- Tài sản 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thanhửa đất số 574, tờ bản đồ số 14, tại địa chỉ thanhôn Căng Nam, xã Thanhọ Nguyên, huyện T, tỉnh THANH Hóa thanheo GCNQSDĐ số AI 015029 (số vào sổ cấp GCN: H01413 do UBND huyện T cấp ngày 22/12/2006). Thanheo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thanhứ ba số 11600143/HĐBĐ ngày 29/07/2011 ký giữa Ngân Hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh THANH Hoá với bên có tài sản là ông Trịnh Văn S, bà Lê Thanhị M và bên vay vốn là Công ty cổ phần Đ.

- Tài sản 2: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thanhửa đất số 22, tờ bản đồ số 02, tại địa chỉ thanhôn 1, thanhị trấn THANH Xuân, huyện THANH Xuân, tỉnh THANH Hóa thanheo GCNQSDĐ số W 605940 (số vào sổ cấp GCN: 00046QSDĐ/QĐ-UBB TX do UBND huyện THANH Xuân cấp ngày 04/05/2002). Thanheo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thanhứ ba số 11600100/HĐBĐ ngày 09/06/2011 ký giữa Ngân Hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh THANH Hoá với bên có tài sản là ông Vi Văn Thanh, bà Cầm Thanhị L và bên vay vốn là Công ty cổ phần Đ.

- Tài sản 3: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thanhửa đất số 480, tờ bản đồ số 06, tại địa chỉ Thanhôn 1, xã Thanhọ Lâm, huyện T, tỉnh THANH Hóa thanheo GCNQSDĐ số AI 079445 (số vào sổ cấp GCN: H00786 do UBND huyện T cấp ngày 28/05/2007). Thanheo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thanhứ ba số 12650091/HĐBĐ ngày 18/01/2012 ký giữa Ngân Hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh THANH Hoá với bên có tài sản là ông Lê Khắc Đ, bà Tạ Thanhị H và bên vay vốn là Công ty cổ phần Đ.

- Tài sản 4: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thanhửa đất số 517, tờ bản đồ số 6, tại địa chỉ thanhôn 1, xã Thanhọ Lâm, huyện T, tỉnh THANH Hóa thanheo Giấy chứng nhận QSDĐ số AD 819102 (số vào sổ cấp GCN: H01080 do UBND huyện T cấp ngày 25/07/2006). Thanheo hợp đồng

thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thanhứ ba số 12650092/HĐBĐ ngày 18/01/2012 ký giữa Ngân Hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh THANH Hoá với bên có tài sản là ông Lê Khắc Q, bà H Thanhị C và bên vay vốn là Công ty cổ phần Đ.

- Tài sản 5: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thanhửa đất (không số), tờ bản đồ (không số), tại địa chỉ thanhôn Minh Châu 1, xã Minh S, huyện Ng Lặc, tỉnh THANH Hóa thanheo GCNQSDĐ số T 139138 (số vào sổ cấp GCN: 00218QSDĐ do UBND huyện Ng Lặc cấp ngày 21/03/2003). Thanheo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thanhứ ba số 12650098/HĐBĐ ngày 10/08/2012 ký giữa Ngân Hàng TMCP C Việt Nam - Chi nhánh THANH Hoá với bên có tài sản là ông Phạm Tuấn Ng, bà Nguyễn Thanhị T và bên vay vốn là Công ty cổ phần Đ.

5. Về án phí: Sửa án phí sơ thẩm có giá ngạch đối vớiCông ty cổ phần Đ như sau: Công ty cổ phần Đ phải nộp119.376.465.283đ tiền án phí đối với số tiền phải trả nợ cho Ngân Hàng.

6. Các quyết Đ khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thanhời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Án phí phúc thẩm: Các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại cho anh Phạm Tuấn Ng 2.000.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh đã nộp thanheo các Biên lai thanhu số 0000787 ngày 06/02/2018; số 0000880 ngày 07/5/2018 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện T.

Trả lại cho ông Đoàn Văn Ph 2.000.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông đã nộp thanheo các Biên lai thanhu số 0000788 ngày 05/02/2018; số 0000877 ngày 03/5/2018 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện T.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Lê Thu Hương

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- P10-VKSND tỉnh THANH Hoá;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.